

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 11-6-2024  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trương Thành Phương.
- Bà Phạm Ngọc Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị A, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng N. Địa chỉ liên hệ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Đ1:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2024).

4. Ông Lương Thành Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: D, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

5. Ông Lê Long S, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 12 tháng 9 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông và bà A tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và sống chung từ năm 1981, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhiều năm và có 3 người con chung. Thời gian đầu ông và bà A chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong lối sống, sinh hoạt và kinh tế gia đình. Mặc khác, trong gia đình ông không nhận được sự tôn trọng của vợ và con cái, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã, con cái nghe lời mẹ còn hành hung đánh ông. Ông buồn nên phải dẫn mẹ già về tá túc nhà em gái, sau đó thì mẹ ông bị bệnh qua đời. Hiện tại ông và bà A không còn sống chung nhà, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà A, vợ chồng cũng không còn tình nghĩa gì nữa nên không thể tiếp tục chung sống vì thế ông kiên quyết yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà A.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1984 và Nguyễn Thành T3, sinh năm 1997. Hiện tại tất cả con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: trong quá trình hòa giải ông có trình bày có yêu cầu Tòa án xem xét chia tài sản chung và Tòa án có thông báo cho ông về việc làm đơn khởi kiện tuy nhiên ông xác định ông không tranh chấp chia tài sản chung trong vụ án này, tài sản chung để vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: ông xác định vợ chồng có nợ ông Huỳnh Văn Đ1 số tiền mua thức ăn nuôi tôm 250.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia đôi số nợ này với bà A nếu ông Đ1 có yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, không còn khoản nợ nào khác, các khoản nợ bà A nêu ông không thừa nhận là nợ chung. Nay ông Đ1 xác định không khởi kiện đòi nợ ông và bà A trong vụ án này thì ông cũng xác định không yêu cầu. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

*Bị đơn bà Phạm Thị A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về quá trình thời gian chung sống đúng như ông Đ nêu, vợ chồng chung sống từ năm 1981 đến nay đã nhiều năm nhưng không có đăng ký kết hôn. Bắt đầu từ năm 2016 thì vợ chồng đã mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn ông Đ nêu không đúng mà theo bà nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông Đ chung sống không chung thủy với bà, có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã lớn tuổi nhưng ông Đ không màn đến danh dự nhân phẩm gia đình mà qua lại

với người khác, hơn nữa còn về kiếm chuyện gây cãi, đòi bán hết tài sản gia đình làm bà tổn thương và con cái bức xúc. Chính vì vậy giữa ông Đ và con trai mới xảy ra xô xát, tự ông Đ hành xử không đúng nên mới xảy ra chuyện chứ bà không hề xúi giục con cái đối xử như vậy với ông Đ. Quá trình chung sống ông Đ cũng nhiều lần đuổi bà ra khỏi nhà nhưng bà vì gia đình, vì con cũng bỏ qua. Hiện tại thì hai vợ chồng không còn sống chung nhà, ông Đ đã ra ngoài sống. Bà cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hàn gắn được bà không thể sống nổi với tính tình của ông Đ nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Đ vì những lý do sau:

Thứ nhất: Từ lúc bà về chung sống với ông Đ cho đến nay, bà luôn làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ, người con dâu đối với gia đình ông Đ. Bà chưa từng làm gì có lỗi với ông Đ, không bất hiếu với cha mẹ, không ngoại tình, không ăn chơi gây nợ nần thì lý do gì ông Đ có quyền ly hôn với bà.

Thứ hai: nguyên nhân ông Đ ly hôn với bà là do ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài, ông Đ đã dẫn người phụ nữ đó về nhà, việc này bị con bà bắt gặp nhiều lần, hai cha con vì thế cũng xảy ra mâu thuẫn. Việc này lỗi của ông Đ thì ông Đ không thể dễ dàng ly hôn với bà.

Thứ ba: bà nghĩ vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn nên không có lý do vì giờ bà phải ký đơn ly hôn cho ông Đ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1984 và Nguyễn Thành T3, sinh năm 1997. Hiện tại tất cả con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định đã được Tòa án thông báo giải thích nếu có tranh chấp chia tài sản thì làm đơn yêu cầu nộp cho Tòa án để được xem xét giải quyết chung trong vụ án. Bà A xác định là bà không làm đơn yêu cầu chia tài sản trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: bà xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có các khoản nợ chung đối với Ngân hàng N, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Lương Thành Q, ông Lê Long S và bà Nguyễn Thị Diễm T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày tại văn bản số 144/NHNoHCĐDLA ngày 12/3/2024 như sau:* Bà Phạm Thị A đang thực hiện hợp đồng tín dụng số: 6605-LAV-202302049 ngày 08/6/2023. Hiện tại bà Phạm Thị A không có vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không khởi kiện và xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Thành Q trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024 như sau:* Đối với số tiền nợ tiền mua bán thức ăn là 106.000.000 đồng ông Đ, bà A nợ ông thì ông không khởi kiện trong vụ án này. Bởi lẽ, bên ông Đ, bà A có hứa sẽ trả cho ông, nên ông cho ông Đ, bà A thời gian để tự nguyện trả nợ, nếu sau này bên ông Đ, bà A không trả nợ cho ông, hai bên có phát sinh tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Ông Lương Thành Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Long S trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2024 như sau:* Đối với số tiền nợ tiền mua bán thức ăn là 39.325.000 đồng ông Đ, bà A nợ ông thì ông không khởi kiện trong vụ án này. Bởi lẽ, bên ông Đ, bà A có hứa sẽ trả cho ông, nên ông cho ông Đ, bà A thời gian để tự nguyện trả nợ, nếu sau này bên ông Đ, bà A không trả nợ cho ông, hai bên có phát sinh tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Ông Lê Long S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Đ1 do bà Nguyễn Thị T1 đại diện theo ủy quyền trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024 như sau:* Đối với số tiền nợ tiền mua bán thức ăn là 220.000.000 đồng ông Đ, bà A nợ ông Đ1 thì ông Đ1 không khởi kiện trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông Đ1 sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2024 như sau:* Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị A. Bà có cho ông Đ và bà A vay mượn tiền nhiều lần, do là quan hệ cha mẹ con nên khi đưa tiền không có làm giấy tờ vay, không thỏa thuận lãi, thời gian trả nợ, chỉ khi nào cha mẹ kệt tiền xoay sở việc gia đình hỏi mượn thì bà đưa. Bà đưa tiền nhiều lần nên không nhớ chính xác ngày tháng năm, tính đến thời điểm hiện tại số tiền bà cho ông Đ, bà A vay là 100.000.000 đồng. Nay bà xác định đối với số tiền nợ vay 100.000.000 đồng ông Đ, bà A nợ thì bà không khởi kiện trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà Nguyễn Thị Diễm T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt đương sự là đúng quy định.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phạm Thị A. Về con chung tất cả ba con chung đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà A xác định đã được Tòa án thông báo về thủ tục làm đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản trong vụ án nhưng đến nay ông Đ và bà A đều không làm đơn tranh chấp chia tài sản, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, trong trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì

được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác Về nợ chung ông Đ và bà A đều khai có nợ chung nhưng không yêu cầu giải quyết, đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định không khởi kiện yêu cầu giải quyết về nợ đối với ông Đ, bà A do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, trong trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị A sống chung trên cơ sở tự nguyện từ năm 1981, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông Đ và bà A là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[1.2] Bà Phạm Thị A là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại xã T, huyện C nên khi ông Đ có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn bà Phạm Thị A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm Ngân hàng N, bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Lương Thành Q, ông Lê Long S, ông Huỳnh Văn Đ1 do bà Nguyễn Thị T1 đại diện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà A và theo ông Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến trong lối sống, sinh hoạt và kinh tế gia đình. Trong gia đình ông Đ không nhận được sự tôn trọng của vợ con, từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Về phía bà A cũng thừa nhận ông Đ không chung thủy với bà, có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chung sống không có hạnh phúc. Hiện tại thì hai vợ chồng không còn sống chung nhà, ông Đ đã ra ngoài sống. Bà A cũng không muốn hàn gắn nhưng bà A không đồng ý ly hôn vì bà A không làm gì có lỗi trong thời gian chung sống với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà A đã tồn tại kéo dài và là thật, tại phiên tòa ông Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn, bà A mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm với ông Đ và lý do bà A không đồng ý ly hôn cũng không xuất phát từ tình cảm yêu thương mong muốn gắn bó vợ chồng, cùng nhau xây dựng phát triển gia đình chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án vào các ngày 11/12/2023, 27/12/2023 để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà A đã trầm trọng, không còn sự tin tưởng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau,

cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Đ và bà A có 03 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1982; Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1984 và Nguyễn Thành T3, sinh năm 1997. Hiện tại tất cả con chung đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi nên Tòa án không xem xét giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà A đều trình bày có tài sản chung không thỏa thuận được. Ông Đ và bà A đã được Tòa án thông báo nếu có tranh chấp về chia tài sản thì được quyền làm đơn yêu cầu để được xem xét giải quyết chung trong vụ án nhưng đến nay ông Đ và bà A đều không làm đơn yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia tài sản trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà A khai có nợ đối với Ngân hàng N, ông Lương Thành Q, ông Lê Long S, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Diễm T. Tuy nhiên, Ngân hàng N, ông Lương Thành Q, ông Lê Long S, ông Huỳnh Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Diễm T đều có lời khai không khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, ông Đ, bà A cũng không yêu cầu trong vụ án này và xác định nếu sau này có tranh chấp các bên sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung trong vụ án. Nếu sau này, các bên có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.5] Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn bà Phạm Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Phạm Thị A.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Quyền**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Mai – Trần Văn Cường**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trọng Hiếu – Trần Văn Cường**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**Nguyễn Ngọc Thám**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ánh Hồng – Nguyễn Văn Hải**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

